

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: 50/HĐKT-MNSH-HA

Gói thầu: Cung cấp lương thực, thực phẩm đầu vào cho học sinh Trường Mầm non Sen Hồng năm học 2026-2027 thuộc dự toán: Cung cấp thực phẩm tươi sống, sữa, nguyên liệu đầu vào phục vụ bếp ăn bán trú cho học sinh Trường Mầm non Sen Hồng năm học 2026-2027

Căn cứ luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc Hội ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 của Quốc Hội ngày 29/11/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ theo TB số 342/TB-UBND ngày 21/08/2026 về việc Kết quả lựa chọn cơ sở cung cấp thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, nước uống, bánh, sữa, dịch vụ nấu ăn và suất ăn sẵn phục vụ bữa ăn bán trú tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường Dương Nội năm học 2026-2027 Căn cứ báo giá của các đơn vị cung cấp trên thị trường;

Căn cứ theo TB số 358/TB-UBND ngày 26/08/2026 Về việc Phân công các đơn vị về cung cấp nguyên liệu thực phẩm, nước uống, dịch vụ nấu ăn và suất ăn sẵn để tổ chức bữa ăn bán trú tại cơ sở giáo dục công lập không được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Thành phố và cơ sở giáo dục ngoài công lập được hỗ trợ ngân sách từ Thành phố trên địa bàn phường Dương Nội năm học 2026-2027

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-MNSH ngày 26/08/2026 của Trường mầm non Sen Hồng về việc phê duyệt dự toán: Cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho bếp ăn bán trú của nhà trường năm học 2026-2027;

Căn cứ quyết định số 33/QĐ-MNSH ngày 27/08/2026 của Trường mầm non Sen Hồng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho bếp ăn bán trú của nhà trường năm học 2026-2027

Căn cứ quyết định số 33/QĐ-MNSH ngày 27/08/2026 của Trường mầm non Sen Hồng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho bếp ăn bán trú của nhà trường năm học 2026-2027

Căn cứ quyết định số 45/QĐ-MNSH ngày 03/09/2026 của Trường mầm non Sen Hồng về việc phê duyệt kết quả chỉ định nhà thầu của gói thầu : Cung cấp nguyên liệu thực phẩm thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho bếp ăn bán trú của nhà trường năm học 2026-2027

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 ngày 03 tháng 09 năm 2026, chúng tôi đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A): TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG

Đại diện: Bà: **Vũ Thị Hoài** Chức vụ: **Hiệu trưởng**

Địa chỉ: TDP Thành Công, Phường Dương Nội, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 038.295.1181

Mã số thuế: 0108367885

Số tài khoản: 8603186868. Tại Ngân hàng BIDV – CN Hà Đông

NHÀ THẦU (Bên B): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM HOÀNG ANH

Đại diện: Bà: **Đỗ Thị Duyên** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hoàng Trung, xã Dân Hoà, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ kinh doanh: Số 48 Liên kề 26 Khu đô thị mới Văn Phú, phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội.

Mã số thuế: 0500524192

STK: 4502408354 Tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Đông.

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng cung cấp thực phẩm tươi sống, gạo, gia vị, thực phẩm khô (gọi tắt là lương thực, thực phẩm) với những nội dung sau:

ĐIỀU I: QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM

1. Quy cách lương thực - thực phẩm:

- Các loại thực phẩm bên B cung cấp cho bên A là các hàng hóa theo thực đơn của trẻ, thực đơn của cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Quy cách thực phẩm được quy định và miêu tả cụ thể tại các bảng báo giá hàng tháng kèm theo bản hợp đồng này.

2. Chất lượng thực phẩm:

2.1. Yêu cầu chung:

Các mặt hàng bên B cung cấp cho bên A đảm bảo các yêu cầu sau:

- Các sản phẩm thực phẩm phải là của Công ty TNHH Thương mại thực phẩm Hoàng

Anh

- Sản phẩm tươi sống, không được bảo quản đông lạnh, đảm bảo theo quy định về sinh an toàn thực phẩm, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng không có tồn dư chất bảo quản cấm sử dụng.

- Có giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Đối với tất cả các mặt hàng gia súc gia cầm, ...mà bên B đã giao cho bên A.

- Phải đảm bảo giá cả hợp lý, sát với giá thị trường theo chủng loại thực phẩm cung cấp, có tính ổn định theo thị trường.

- Nếu bên B giao hàng không đảm bảo chất lượng, bên A có quyền không nhận và yêu cầu đổi lại hàng khác có biên bản đổi trả tại thời điểm đổi.

- Bên A thông báo ngay cho bên B khi có bất kỳ thắc mắc nào về chất lượng thực phẩm thông qua điện thoại hoặc người đại diện giao hàng.

2.2. Yêu cầu chất lượng cụ thể:

Quy cách thực phẩm được quy định và miêu tả cụ thể tại các bảng báo giá hàng tháng kèm theo bản hợp đồng này.

- Thịt lợn sẵn bỏ bì theo yêu cầu (mông, vai, thăn): Được chế biến theo quy trình, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất được nguồn gốc xuất xứ, không có hoá chất (chất bảo quản,...). Cụ thể: Thịt dẻo, mặt thịt khô, không nhớt, có sự đàn hồi, màu sắc tươi, không hôi. Thịt có màu hồng, mỡ màu trắng, độ rắn và mùi vị tự nhiên. Chỗ vết cắt sáng, có một ít nước màu hồng tiết ra, độ rắn và độ đàn hồi cao.

- Thịt bò (mông, vai): Phải đảm bảo sạch, tươi ngon, an toàn vệ sinh, không có hóa chất (chất bảo quản, ...), thịt dẻo, khô ráo có sự đàn hồi màu sắc tươi có màu đặc trưng của thịt bò.

- Thịt gà, thịt ngan, thịt vịt (bỏ cổ và chân): Tươi ngon, không quá già và không quá non. Thịt gà, ngan, vịt, được làm sạch lông, da gà, ngan, vịt không có nốt sần đỏ, da ngan, vịt có màu trắng tự nhiên, da gà có màu vàng tự nhiên, không dùng phẩm màu; không có mùi lạ, có mùi đặc trưng của thịt gà, thịt ngan, thịt vịt. Gà đã bỏ cổ, bỏ chân có cân nặng từ 1.7kg đến 2.5kg trở lên. Vịt đã bỏ cổ, bỏ chân có cân nặng từ 2kg đến 2.5kg trở lên. Ngan đã bỏ cổ, bỏ chân có cân nặng từ 2.5kg đến 3kg trở lên.

- Thịt chim bồ câu nguyên con : Tươi ngon, không quá già và không quá non. Thịt chim bồ câu được làm sạch lông, da không có nốt sần đỏ, da màu trắng tự nhiên, không dùng phẩm màu, có mùi đặc trưng của thịt chim bồ câu; không có mùi lạ, chim bồ câu có cân nặng từ 0,35kg/con đến 0,45kg/con.

- Bên B cung cấp các loại thịt trên cho bên A phải là “ Thực phẩm nóng ” Nghĩa là thực phẩm tươi không bảo quản đông lạnh

- Tôm, cua, cá, ngao : đảm bảo tươi ngon, đảm bảo an toàn vệ sinh, cá tôm cua vẫn bơi nhảy không được đông lạnh hay ướp đá, ngao khi ngâm nước vẫn há miệng ,

- Trứng vịt, trứng gà: Có màu sáng, cầm nặng tay, không bị dập vỡ, thả vào nước chìm. Khi sử dụng trứng bất thường như, hỏng thối.... bên A sẽ lập biên bản yêu cầu bên B cấp đổi bổ sung kịp thời.

- Đậu phụ: Thực phẩm phải bảo đảm tươi ngon, an toàn vệ sinh, mùi thơm vị béo đặc trưng của đậu nành, màu trắng ngà, mềm mại, không dập nát.

- Rau, củ, quả: Bao gồm các loại rau ăn củ, thân, lá, hoa quả đảm bảo chất lượng an toàn, tươi ngon, không dập nát, hư thối, không lẫn tạp chất không hoá chất (không chất bảo quản, không thuốc). Cụ thể:

+ Rau ăn lá và ăn thân:

Bắp cải: Cuộn chặt, lá dày, cuống nhỏ.

Rau muống, rau cải, rau ngót, mồng tơi...: Xanh, non, tươi, lá nhỏ, đốt dài.

Giá đỗ: Mập vừa, trắng, rễ ngắn và không đen, hạt đỗ nhỏ.

+ Rau ăn quả:

Đậu quả, su su, cà chua, dưa chuột: tươi, không dập nát

+ Rau ăn củ:

Su hào: Chọn su hào bánh xe, củ to, vỏ mỏng, phần trắng, cuống lá to.

Củ cải: Thân củ thẳng, mập, màu trắng, cầm nặng tay.

Khoai tây: Củ to đều, màu vàng, vỏ nhẵn và không bị xanh, không mọc mầm.

Cà rốt: Tươi, không rập, có màu đặc trưng

+ Rau ăn hoa:

Súp lơ: To, trắng, chặt, tươi.

Hoa thiên lý, hoa bí: tươi, thơm, không bị nát.

+ Các loại khác:

Măng tươi: Mềm, màu trắng ngà, đốt ngắn, thân dày.

Nấm tươi: Cánh đều, tươi, không nát.

- Dưa hấu, chuối, cam, thanh long: Hàng Việt Nam, có nguồn gốc xuất xứ, tươi ngon, không bị dập nát, ... đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nếu bên B giao hàng không đảm bảo chất lượng, bên A có quyền không nhận và yêu cầu đổi lại hàng khác.

- Khi bên A có bất kỳ thắc mắc nào về chất lượng thực phẩm, bên B phải đến ngay trường mầm non Sen Hồng để cùng giải quyết.

Đối với những thực phẩm không đúng chủng loại, có mùi lạ, không đúng kích cỡ... không có mã vạch truy xuất nguồn gốc trên bao bì sản phẩm, tem nhãn và bao bì. Hoặc trong quá trình chế biến thực phẩm có những dấu hiệu bất thường bên A sẽ quay lại hình ảnh, lập biên bản yêu cầu bên B có mặt tại địa điểm được thông báo để 2 bên cùng giải quyết

và xử lý. Trong trường hợp bên B không hợp tác hay không cung cấp bổ sung thực phẩm đảm bảo đúng tiến độ làm chậm giờ ăn của học sinh. Bên A sẽ báo cáo các đơn vị lãnh đạo và xin ý kiến sử dụng phương án dự phòng.

- Bên A có quyền từ chối tiếp nhận, tạm dừng sử dụng, niêm phong/lưu mẫu, yêu cầu đổi hàng hoặc tạm dừng cung cấp đối với lô thực phẩm có dấu hiệu không bảo đảm an toàn thực phẩm, không rõ nguồn gốc, không đủ chứng từ hoặc không đúng quy cách. Việc tạm dừng để xác minh không được coi là hành vi vi phạm hợp đồng của bên A.

ĐIỀU II: ĐẶT HÀNG VÀ GIAO HÀNG

1. Đặt hàng:

- Bên A có kế hoạch đặt hàng cho bên B theo ngày

- Đơn đặt hàng được thông báo cho bên B trước 15h00 ngày hôm trước và được bổ sung ngày hôm sau nếu có sự thay đổi số trẻ, thời gian trước 9h00 phút (thông qua email hoặc điện thoại)

2. Giao nhận thực phẩm:

- Bên B có trách nhiệm giao hàng tại bếp ăn trường mầm non Sen Hồng cho cả 3 phân hiệu – Trụ sở chính Trường MN Sen Hồng, Phân hiệu 1 và Phân hiệu 2 (Khu B phân hiệu 2)

+ Lần 1 : Từ 7h05 - 7h30

+ Lần 2 : Từ 9h15p - 9h30p cung cấp bổ sung hoặc nhận thực phẩm thừa bên A trả lại.

- Trường hợp bên B giao hàng chậm, giao thiếu, giao không đúng chủng loại hoặc chất lượng làm ảnh hưởng đến việc tổ chức bữa ăn, bên A lập biên bản xác nhận vi phạm và áp dụng chế tài theo hồ sơ lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và quy định pháp luật hiện hành. Mọi khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại được quản lý, hạch toán và xử lý theo quy định.

- Mọi chi phí vận chuyển, bốc xếp đến địa điểm giao hàng của bên A do bên B chịu. Nếu phát hiện ra hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn, chất lượng như đã cam kết theo điều 1 thì bên A trả lại bên B. Sau 30 phút bên B phải giao đầy đủ thực phẩm đảm bảo chất lượng, số lượng theo quy định đã cam kết.

- Mỗi khi giao hàng bên B phải có phiếu xuất kho giao hàng có dấu của công ty và phải ký sổ giao nhận thực phẩm.

- Bên B cung cấp thực phẩm theo đúng yêu cầu, thời gian, địa điểm theo thỏa thuận của hai bên.

- Người giao hàng: Là người của công ty, có tên trong danh sách, hồ sơ năng lực do công ty đã cung cấp cho nhà trường. Khi đến giao hàng, người giao hàng có đeo thẻ và trang phục quy định của Công ty cung cấp thực phẩm.

- Hai bên thỏa thuận về số lượng hàng trong ngày và cùng ký nhận trong mỗi lần giao hàng. Bên A có trách nhiệm bảo quản thực phẩm khi đã nhận của bên B.

- Việc giao nhận tại mỗi phân hiệu phải lập phiếu giao nhận riêng, xác định rõ số lượng, chủng loại, chất lượng, giờ giao, người giao, người nhận và hàng trả lại/đối trả. Hồ sơ giao nhận của từng phân hiệu là căn cứ tổng hợp để nghiệm thu và thanh toán; không sử dụng một bảng tổng hợp chung thay cho hồ sơ giao nhận của từng phân hiệu.

ĐIỀU III: GIÁ, LOẠI HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá cả:

- Giá trị hợp 11.841.213.600 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, tám trăm bốn mươi một triệu, hai trăm mười ba nghìn, sáu trăm đồng). Giá trị nêu trên là giá trị dự kiến/tối đa của hợp đồng. Giá trị thanh toán thực tế được xác định trên cơ sở khối lượng thực tế được bên A đặt hàng, bên B cung cấp và hai bên nghiệm thu bằng văn bản, nhân với đơn giá hợp pháp áp dụng tại từng thời điểm. Bên A không có nghĩa vụ mua đủ khối lượng hoặc thanh toán đủ giá trị dự kiến của hợp đồng.

- Bên B có trách nhiệm gửi báo giá cho bên A từ ngày 25 đến ngày 28 hàng tháng để hai bên thống nhất áp dụng đơn giá thực hiện tháng sau cho sát với thị trường.

- Đơn giá thực phẩm là giá thị trường tại thời điểm cung cấp. Khi có biến động giá (tăng hoặc giảm), bên B thông báo cho bên A bằng văn bản trước 07 ngày và phải được bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi áp dụng. Bên B có nghĩa vụ gửi kèm hồ sơ đối chiếu giá: báo giá của các đơn vị cung cấp độc lập, giá thị trường được khảo sát và lập biên bản, thông tin giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). Đơn giá được áp dụng ổn định trong 01 tháng; trong tháng, nếu một mặt hàng biến động từ 20% trở lên do thị trường, hai bên xem xét điều chỉnh. Việc điều chỉnh đơn giá chỉ được thực hiện khi đáp ứng điều kiện điều chỉnh hợp đồng theo hồ sơ lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng đã được phê duyệt và quy định pháp luật, kèm theo đơn đề nghị điều chỉnh giá và bảng báo giá có xác nhận đồng ý bằng văn bản của bên A trước khi áp dụng.

2. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh (theo đúng loại hợp đồng đã được phê duyệt tại Quyết định số 33/QĐ-MNSH ngày 27/08/2026 và hồ sơ lựa chọn nhà thầu).

3. Phương thức thanh toán:

- Bên B có trách nhiệm chuyển bảng kê số lượng hàng mà bên A đã nhập của bên B trong tháng từ ngày 02 đến ngày 05 của tháng kế tiếp để hai bên đối chiếu công nợ, làm cơ sở cho việc thanh toán được chính xác.

- Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hàng hoá đã mua của bên B trong tháng chậm nhất vào ngày 15 của tháng kế tiếp bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt sau khi bên A đã nhận được các giấy tờ hợp lệ theo quy định: Biên bản nghiệm thu số lượng thực phẩm đã sử dụng trong tháng đó, hóa đơn tài chính, giấy đề nghị thanh toán, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

- Sau khi thực hiện xong hợp đồng cho cả năm học 2026-2027, bên B xuất trình các hồ sơ gồm: Biên bản nghiệm thu tổng thể khối lượng đã sử dụng trong cả năm học thực hiện hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng và các hồ sơ khác có liên quan, hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

*** Trách nhiệm của bên A**

- Đảm bảo đặt hàng cho bên B đúng thời gian như đã quy định tại điều II của hợp đồng này.

- Nhận thực phẩm, kiểm tra chất lượng thực phẩm và thanh toán đúng thời gian đã thoả thuận.

- Bảo quản thực phẩm trong điều kiện tốt nhất, đúng hướng dẫn, đảm bảo vệ sinh.

- Lưu mẫu thức ăn sau 24 giờ để có mẫu xét nghiệm khi cần thiết

- Phối hợp chặt chẽ với bên B khi giao hàng.

- Định kỳ/đột xuất đánh giá, tạm dừng/chấm dứt và báo cáo cơ quan quản lý khi Bên B vi phạm.

***Trách nhiệm của bên B**

- Chịu trách nhiệm trước bên A và pháp luật về nguồn gốc xuất xứ, quy cách, giao hàng đúng thời gian và chứng từ liên quan đến hàng hoá đó.

- Bên B có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ liên quan cho bên A mỗi khi giao hàng.

- Nếu bên B giao hàng chậm so với thời gian quy định liên tục từ 02 lần trong 1 tháng làm ảnh hưởng đến quá trình chế biến của bên A và không giao hàng cho bên A theo thực đơn và yêu cầu đặt hàng của bên A, thì bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với bên B và bên B phải chịu hoàn toàn phí tổn, thiệt hại cho bên A.

- Khi có nghi ngờ sự cố an toàn thực phẩm, hai bên thực hiện ngay: dừng sử dụng thực phẩm liên quan; bảo toàn, niêm phong mẫu lưu; phối hợp truy xuất nguồn gốc; cung cấp đầy đủ hồ sơ và chấp hành kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Bên B chịu trách nhiệm đối với thiệt hại thuộc trách nhiệm của mình theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền và phải bồi thường các thiệt hại thực tế, hợp lý theo quy định pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Trường hợp kết luận xác định sự cố không do thực phẩm của bên B gây ra, bên B hỗ trợ 50% chi phí xét nghiệm mẫu thực phẩm cho bên A.

- Trường hợp bên B ngừng cung cấp hàng hoá trước khi hợp đồng hết hiệu lực, bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A trước ít nhất 30 ngày. Trường hợp tự ý ngừng cung cấp hoặc ngừng cung cấp không đúng thời hạn thông báo, bên B chịu phạt vi phạm, bồi thường các thiệt hại thực tế, hợp lý phát sinh và các chế tài khác theo hợp đồng và quy định pháp luật.

- Có trách nhiệm tiếp đón và hướng dẫn đoàn của bên A đến thăm, kiểm tra cơ sở; đối với kiểm tra định kỳ, bên A báo trước 07 ngày, đối với kiểm tra đột xuất phục vụ an toàn thực phẩm thì không bắt buộc báo trước.

- Bên B có trách nhiệm đăng công khai danh mục hàng hoá xuất xứ trên phần mềm Hà Nội Check (HanoiCheck); phối hợp xử lý sự cố ATTP. Bên A có quyền truy xuất, niêm phong mẫu lưu đồng thời tạm dừng, chấm dứt hợp đồng khi bên B vi phạm 1 trong những điều khoản trên

- Trong suốt thời gian hợp đồng, bên B phải duy trì và xuất trình ngay khi bên A hoặc cơ quan chức năng yêu cầu: hồ sơ pháp lý doanh nghiệp; hồ sơ đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp pháp luật yêu cầu; hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ; hóa đơn, chứng từ; hồ sơ kiểm dịch, kiểm soát giết mổ đối với mặt hàng thuộc diện phải có; hồ sơ người và phương tiện vận chuyển. Khi giấy phép, hồ sơ hết hạn, bị đình chỉ, thu hồi hoặc không còn đáp ứng điều kiện, bên B phải thông báo ngay cho bên A.

- Bên B không được tự ý thay đổi nhà sản xuất, cơ sở giết mổ, nguồn cung, thương hiệu hoặc chủng loại đã cam kết khi chưa được bên A chấp thuận, nếu việc thay đổi đó ảnh hưởng đến hồ sơ dự thầu, hồ sơ năng lực hoặc chất lượng hàng hóa.

- Bên B không được chuyển giao phần nghĩa vụ cung cấp cho đơn vị khác trái với hồ sơ lựa chọn nhà thầu và quy định pháp luật.

- Bên A được kiểm tra cơ sở, kho, phương tiện vận chuyển, nguồn hàng và hồ sơ truy xuất của bên B. Trường hợp kiểm tra định kỳ, bên A báo trước 07 ngày; trường hợp kiểm tra đột xuất phục vụ an toàn thực phẩm thì không bắt buộc báo trước.

- Hợp đồng, các phụ lục, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất và biên bản thương thảo là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Khi các tài liệu có nội dung khác nhau, thứ tự ưu tiên áp dụng như sau: hợp đồng và phụ lục; quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu; hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất; biên bản thương thảo.

ĐIỀU V: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc hai bên cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; án phí do bên vi phạm chịu.

- Những điều không được ghi nhận trong cam kết sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật hiện hành của nhà nước.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến 31/08/2027.

- Hợp đồng được lập thành 03 bản có hiệu lực pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản để làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

HIỆP TRƯỞNG



Vũ Thị Hoài

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIAM ĐỐC



Đỗ Thị Duyên

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Hợp đồng số: 50/HĐKT-MINSH-HA ngày 03 tháng 09 năm 2026)

STT	Nội dung giá hợp đồng	Thành tiền
1	Giá hàng hóa	11.841.213.600 đồng
2	Giá dịch vụ liên quan	
Tổng cộng giá hợp đồng (Kết chuyển sang bảng phụ lục 02)		11.841.213.600 đồng

(Bằng chữ: Mười một tỷ tám trăm bốn mươi một triệu hai trăm mười ba nghìn, sáu trăm đồng.)

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, vận chuyển, kèm theo để thực hiện gói thầu./.

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Hợp đồng số: 50/HĐKT-MNSH-Hàng ngày 03 tháng 09 năm 2026)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Khối lượng Cho 12 tháng	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền	
					Cho 1 tháng	Cho 12 tháng
1	Thịt lợn nạc vai	Kg	10.098,0	179.000	150.628.500	1.807.542.000
2	Thịt lợn nạc mông	Kg	10.098,0	179.000	150.628.500	1.807.542.000
3	Thịt bò	Kg	3.552,0	355.000	105.080.000	1.260.960.000
4	Tôm lột	Kg	2.400,0	469.000	93.800.000	1.125.600.000
5	Thịt gà ta bỏ đ.c.c.c	Kg	4.752,0	208.000	82.368.000	988.416.000
6	Cá quả nguyên con	Kg	1.800,0	179.000	26.850.000	322.200.000
7	Xương sườn non	Kg	288,0	205.000	4.920.000	59.040.000
8	Xương ống	Kg	600,0	59.000	2.950.000	35.400.000
9	Lươn đồng	Kg	240,0	245.000	4.900.000	58.800.000
10	Cua đồng	Kg	108,0	235.000	2.115.000	25.380.000
11	Thịt vịt bỏ đ,c,c,c	Kg	3.312,0	158.000	43.608.000	523.296.000
12	Chim câu	Kg	480,0	475.000	19.000.000	228.000.000
13	Trứng chim cút	Kg	600,0	120.000	6.000.000	72.000.000
14	Trứng gà ta	Kg	73.200,0	4.500	27.450.000	329.400.000
15	Đậu phụ non Ichiban	Kg	360,0	67.000	2.010.000	24.120.000
16	Rau cải xanh	Kg	1.464,0	39.000	4.758.000	57.096.000
17	Rau cải ngọt	Kg	624,0	30.000	1.560.000	18.720.000
18	Rau ngót	Kg	312,0	70.000	1.820.000	21.840.000
19	Cải bó xôi	Kg	720,0	45.000	2.700.000	32.400.000
20	Súp lơ	Kg	360,0	75.000	2.250.000	27.000.000
21	Rau muống	Kg	360,0	29.000	870.000	10.440.000

22	Mùng toi	Kg	444,0	39.000	1.443.000	17.316.000
23	Bầu xanh	Kg	1.536,0	39.000	4.992.000	59.904.000
24	Bí đỏ	Kg	2.640,0	29.000	6.380.000	76.560.000
25	Bí xanh	Kg	1.632,0	36.000	4.896.000	58.752.000
26	Hành tây	Kg	1.488,0	22.000	2.728.000	32.736.000
27	Dứa	Kg	720,0	28.000	1.680.000	20.160.000
28	Cà rốt	Kg	1.272,0	27.000	2.862.000	34.344.000
29	Khoai tây	Kg	1.560,0	29.000	3.770.000	45.240.000
30	Khoai môn	Kg	720,0	42.000	2.520.000	30.240.000
31	Ngô ngọt	Kg	2.640,0	45.000	9.900.000	118.800.000
32	Nấm đùi gà	Kg	576,0	102.000	4.896.000	58.752.000
33	Cà chua	Kg	936,0	39.000	3.042.000	36.504.000
34	Thì là	Kg	12,0	75.000	75.000	900.000
35	Mùi tàu	Kg	36,0	95.000	285.000	3.420.000
36	Mùi ta	Kg	36,0	95.000	285.000	3.420.000
37	Muống hương	Kg	360,0	39.000	1.170.000	14.040.000
38	Bắp cải	Kg	720,0	23.000	1.380.000	16.560.000
39	Giá đỗ	Kg	1.152,0	23.000	2.208.000	26.496.000
40	Hành khô	Kg	136,8	85.000	969.000	11.628.000
41	Hành lá	Kg	139,2	58.000	672.800	8.073.600
42	Củ gừng	Kg	24,0	68.000	136.000	1.632.000
43	Củ tỏi	Kg	6,0	70.000	35.000	420.000
44	Dưa hấu	Kg	10.344,0	33.000	28.446.000	341.352.000
45	Chuối	Quả	63.600,0	4.100	21.730.000	260.760.000
46	Cam	Kg	2.400,0	63.000	12.600.000	151.200.000
47	Đường TH	Kg	204,0	32.000	544.000	6.528.000

192
3 TY
HH
IG MA
PHÂN
G ANI
HO HA

48	Hạt sen khô	Kg	156,0	292.000	3.796.000	45.552.000
49	Đậu xanh tách vỏ	Kg	792,0	81.000	5.346.000	64.152.000
50	Bún khô	Kg	2.520,0	62.000	13.020.000	156.240.000
51	Mỳ chũ	Kg	1.200,0	62.000	6.200.000	74.400.000
52	Phở khô	Kg	1.296,0	65.000	7.020.000	84.240.000
53	Gạo Thơm biển (ST21)	Kg	28.872,0	27.000	64.962.000	779.544.000
54	Gạo nếp	Kg	3.600,0	39.000	11.700.000	140.400.000
55	Dầu ăn Simply 1L	Lít	1.164,0	73.000	7.081.000	84.972.000
56	Nước mắm Nam ngư 500ml	Lít	936,0	78.000	6.084.000	73.008.000
57	Bột canh Hải Châu	Kg	1.039,2	30.000	2.598.000	31.176.000
58	Nấm hương	Kg	60,0	370.000	1.850.000	22.200.000
59	Nước Cốt dừa	Lon	288,0	40.000	960.000	11.520.000
60	Bơ thực vật	Hộp	24,0	120.000	240.000	2.880.000
	Tổng cộng bao gồm tất cả các loại thuế, phí	-	253.009	6.004.600	986.767.800	11.841.213.600

(Bảng chữ: Mười một tỷ tám trăm bốn mươi một triệu, hai trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng ./.)

